

0.a. Goal

Mục tiêu 15: Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất

0.b. Target

Mục tiêu 15.3: Đến năm 2030, tăng cường phòng, chống sa mạc hóa, khôi phục đất thoái hóa, bao gồm đất bị ảnh hưởng bởi hiện tượng sa mạc hóa, hạn hán, lũ lụt và do các nguyên nhân khác (mục tiêu 15.3 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 15.3.1. Tỷ lệ diện tích đất bị thoái hóa

0.d. Series

Proportion of land that is degraded over total land area [15.3.1] AG_LND_DGRD

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Bộ Tài nguyên và Môi trường

1.f. Contact mail

Số 10 Tôn Thất Thuyết - Hà Nội

1.g. Contact email

portal@monre.gov.vn

2.a. Definition and concepts

Đất bị thoái hóa là đất bị thay đổi những đặc tính và tính chất vốn có ban đầu (theo chiều hướng xấu) do sự tác động của điều kiện tự nhiên và con người.

Thoái hoá đất có khả năng xảy ra trên tất cả các loại đất: Đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng.

Đất bị thoái hóa gồm các loại hình sau: Đất bị khô hạn, hoang mạc hóa; đất bị hoang hóa; sạt lở đất; kết von, đá ong hóa; đất bị chai cứng, chặt bí; ô nhiễm đất; xói mòn đất; đất bị ngập úng; đất bị mặn hóa; đất bị phèn hóa.

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019

3.a. Data sources

Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

3.b. Data collection method

Biểu số 005.N/BCB-TNMT, chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

3.d. Data release calendar

5 năm

3.e. Data providers

Bộ Tài nguyên và Môi trường

3.f. Data compilers

Bộ Tài nguyên và Môi trường

4.a. Rationale

Chỉ tiêu quan trọng đánh giá nghèo kiệt đất, ảnh hưởng xấu đến năng suất các loại cây trồng, vật nuôi; giúp cơ quan quản lý biết được mức độ nghiêm trọng của thoái hóa đất để có giải pháp phòng chống và đảm bảo độ màu mỡ cho đất.

5. Data availability and disaggregation

Số liệu có của một số năm: 2013; 2016; 2017

(Nguồn công bố: Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Số liệu từ Bộ Tài nguyên và Môi trường)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu SDG toàn cầu tương ứng “15.3.1. Proportion of land that is degraded over total land area”.
Chỉ tiêu quốc tế và Việt Nam đều giống nhau về nội dung và phương pháp tính

7. References and Documentation

Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 ban hành Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;

- Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững;

- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>